

# NGHIÊN CỨU SƯU TẬP TIỀN CỔ PHÁT HIỆN Ở HÀ TĨNH

TRẦN PHI CÔNG<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Tiền cổ phát hiện ở Hà Tĩnh phân bố rộng khắp trong toàn tỉnh, rất phong phú về nguồn gốc xuất xứ, niên hiệu, thư pháp. Tiền phát hiện ở Hà Tĩnh chủ yếu là tiền Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản niên đại trải dài từ thế kỷ VIII đến đầu thế kỷ XX. Chúng chứa đựng nhiều thông điệp mà người xưa để lại. Đây là nguồn sử liệu quan trọng phản ánh nhiều khía cạnh đời sống xã hội của địa phương, tư tưởng, quan niệm triết học, ngôn ngữ, tiếp biến, tương đồng văn hóa, quan niệm thẩm mỹ, lịch sử, chính trị, kinh tế, ngoại giao, giao thương trao đổi tiền tệ, trình độ kỹ thuật công nghệ, góp phần xác định niên đại di tích khảo cổ.

**Từ khóa:** Tiền cổ; di tích khảo cổ; giá trị.

**Abstract:** Ancient coins have being discovered extensively in Ha Tinh province with huge variety in country of origin, dates and calligraphies. Most ancient coins found in Ha Tinh are Vietnamese, Chinese, Japanese money from the 8<sup>th</sup> to 19<sup>th</sup> century. Ancient coins denote many messages of the past. It is an important historical data reflecting the social life, thought, philosophy, language, cultural similarity, cultural exchange, aesthetic perspective, history, politics, economy, coins exchange and technology of the past.

**Keywords:** Ancient coin; archaeological relics; value.

Ngày nhận bài: 14/6/2019; Ngày sửa bài: 03/7/2019; Ngày duyệt đăng bài: 29/7/2019.

Tiền có lịch sử hình thành từ lâu đời khi trình độ sản xuất phát triển đến một trình độ nhất định. Tiền được hình thành như một vật đổi da năng nhằm đơn giản hóa thương mại. Trước khi có tiền xu và tiền giấy, ở một số nơi trên thế giới người ta sử dụng lông chim, lông đuôi voi, vỏ sò quý hiếm... để dùng làm tiền. Tiền cổ là một nguồn sử liệu quan trọng phản ánh nhiều mặt trong đời sống xã hội.

## 1. Quá trình phát hiện và nghiên cứu

Tỉnh Hà Tĩnh là một dải đất hẹp nằm ở Bắc Trung Bộ. Phía Bắc giáp tỉnh, Nghệ An, phía Đông giáp biển Đông, phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình, phía Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Địa hình Hà Tĩnh rất phong phú và đa dạng gồm có đồi núi chủ yếu ở phía tây, biển ở phía Đông và đồng bằng xen kẽ giữa núi và

biển. Với vị trí địa lý như vậy nên Hà Tĩnh là vùng địa văn hóa có nhiều nét đặc thù. Thời kỳ tiền sơ sử, là nơi giao thoa của nền văn hóa Đông Sơn và Sa Huỳnh<sup>(1)</sup>; là nơi có người Việt cổ sinh sống cách ngày nay khoảng 4000 - 3500 năm. Thời kỳ Bắc thuộc, Hà Tĩnh thuộc bộ Cửu Đức, sau đó là quận Cửu Chân. Thời nhà Đinh và Tiền Lê là cực nam của quốc gia Đại Cồ Việt tiếp giáp với Chiêm Thành. Thời Lý - Trần thuộc châu Nghệ An, là phen giậu của quốc gia Đại Việt. Thời Lê - Trịnh, Hà Tĩnh là

<sup>(\*)</sup> ThS., Bảo tàng Hà Tĩnh;

Email: tranphicongbtht@gmail.com.

<sup>(1)</sup> Năm 2009, các nhà khảo cổ Bảo tàng Lịch sử Quốc gia khai quật di chỉ khảo cổ học Bãi Cọi, xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh đã phát hiện được nhiều hiện vật có sự giao thoa văn hóa Đông Sơn và Sa Huỳnh.

một trong những nơi diễn ra cuộc nội chiến Trịnh - Nguyễn. Hà Tĩnh cũng là nơi có nhiều danh nhân, nhiều di tích lịch sử - văn hóa; là nơi có nhiều sông ngòi với các cửa biển, thuận tiện cho việc giao thông, buôn bán với các vùng miền, phát triển kinh tế hàng hóa, trao đổi tiền tệ. Tiền cổ phát hiện ở Hà Tĩnh được phân bố khắp nơi từ miền núi, đồng bằng cho đến ven biển chủ yếu được người dân phát hiện.

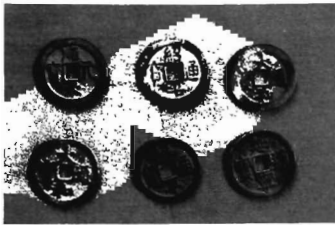
Ý thức được tầm quan trọng của những bộ sưu tập tiền cổ, từ năm 2000 đến nay, Bảo tàng Hà Tĩnh đã tập trung sưu tầm các bộ tiền cổ do nhân dân phát hiện, sau đó tiến hành nghiên cứu, chỉnh lý và phân loại hoàn chỉnh để xác định đời vua, niên hiệu, niên đại, nguồn gốc xuất xứ,... Đặc biệt trong số này đã nhận diện một số đồng tiền rất quý hiếm được nhiều nhà sưu tập tiền, giới nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Hiện nay, ở Hà Tĩnh, phát hiện được ít nhất là 15 bộ sưu tập tiền cổ nằm rộng khắp trên hầu hết các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh như ở các xã Hương Xuân, Lộc Yên, Hương Thủy (Hương Khê); Ân Phú, Hương Quang (Vũ Quang); Việt Xuyên, Thạch Bình, Thạch Tân (Thạch Hà); Kỳ Ninh, Kỳ Tây (Kỳ Anh); Cẩm Yên, Cẩm Hòa, Cẩm Duệ (Cẩm Xuyên); Vinh Lộc, Thiên Lộc (Can Lộc). Chủ yếu các bộ sưu tập tiền được phát hiện thời Hậu Lê, đậm đặc nhất là thời Lê Trung Hưng. Chỉ có một bộ sưu tập tiền phát hiện ở xã Mai Phụ (Lộc Hà) là được chôn vào cuối thời Nguyễn.

Tại Hà Tĩnh cũng như ở Việt Nam, thời kỳ Bắc thuộc, chưa có tiền Việt Nam và người ta chủ yếu sử dụng tiền phương Bắc trong hoạt động kinh tế, trao đổi, buôn bán hàng hóa. Đến thời nhà Đinh, tiền kim loại Việt Nam lần đầu tiên xuất hiện

với đồng Thái Bình hưng bảo (太平興寶) được đúc năm 970. Đinh Bộ Lĩnh đã đặt nền móng để các đời vua triều đại về sau duy trì phát triển truyền thống đúc tiền dưới thời phong kiến độc lập tự chủ của Việt Nam.

Trong các bộ sưu tập tiền phát hiện tại Hà Tĩnh, tiền Việt Nam có niên đại sớm nhất là đồng Thiên Phúc trấn bảo (天福鎮寶) của đời vua Lê Hoàn, Tiền Lê được đúc vào mùa xuân năm 980, tức sau đồng Thái Bình hưng bảo (太平興寶) của Đinh Bộ Lĩnh 10 năm. Đồng Thiên Phúc trấn bảo (天福鎮寶) mặt sau có chữ Lê (黎), họ vua. Tiền Việt Nam có niên đại muộn nhất là đồng Bảo Đại thông bảo (保大通寶) của vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của chế độ phong kiến trung ương tập quyền của Việt Nam, nằm trong bộ sưu tập tiền phát hiện tại xã Mai Phụ (Lộc Hà). Thư pháp trên những đồng tiền cổ Việt Nam chủ yếu ở thể chân thư, rõ nét dễ đọc.

Tiền thời Lê Sơ (1428-1527) có chất lượng tốt, đồng đều, ít bị ô xy hóa. Tiền phát hiện nhiều trong bộ sưu tập tiền ở Vĩnh Lộc (Can Lộc), Cẩm Yên (Cẩm Xuyên), bao gồm có đồng Thuận Thiên nguyên bảo (順天元寶) đúc từ 1428 đến 1433; Thiệu Bình thông bảo (紹平通寶) được đúc từ 1434 đến 1439; Đại Bảo thông bảo (大寶通寶) được đúc từ 1440 đến 1442; Thái Hòa thông bảo (太和通寶) được đúc từ 1443 đến 1453; Diên Ninh thông bảo (延寧通寶) được đúc từ 1454 đến 1449; Thiên Hưng thông bảo (天興通寶) đúc từ 1459 đến 1960; Quang Thuận thông bảo (光順通寶), Hồng Đức thông bảo (洪德通寶) đúc từ 1460 đến 1497; Cảnh Thống thông bảo (景統通寶) đúc năm 1498-1504; Gia Thái thông bảo (嘉泰通寶) đúc từ 1573 đến 1577.



Tiền thời Lê Sơ phát hiện tại Hà Tĩnh

Tiền thời Lê Trung Hưng, niên hiệu Cảnh Hưng, vua Lê Hiển Tông (1740-1786) được đúc nhiều nhất, chiếm số lượng lớn, phát hiện được nhiều nơi trong các bộ sưu tập tiền ở Hà Tĩnh, sau đó là đồng Vĩnh Thọ thông bảo (永壽通寶) của vua Lê Thần Tông đúc; Vĩnh Thịnh thông bảo (永盛通寶) của vua Lê Dụ Tông; Chiêu Thống thông bảo (昭統通寶) của Lê Mẫn Đế; Thái Bình thông bảo (太平通寶) của chúa Nguyễn thế kỷ XVII.

Tiền thời Tây Sơn có Thái Đức thông bảo (泰德通寶) đúc năm 1778; Quang Trung thông bảo (光中通寶) đúc từ 1788; Cảnh Thịnh thông bảo (景盛通寶) đúc từ 1778 - 1801.

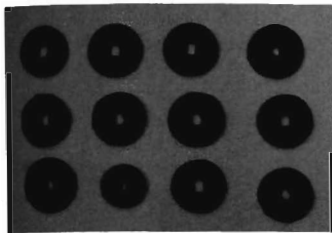
Tiền thời Nguyễn (1802 - 1945) được phát hiện trong bộ sưu tập ở xã Mai Phụ (Lộc Hà), có đồng Gia Long thông bảo (嘉隆通寶) của Nguyễn Thế Tổ; Minh Mệnh thông bảo (明命通寶) của Nguyễn Thái Tổ; Thiệu Trị thông bảo (紹治通寶) của Nguyễn Hiến Tổ; Tự Đức thông bảo (嗣德通寶) của Nguyễn Thành Tổ; Thành Thái thông bảo (成泰通寶) của Nguyễn Phúc Bửu Lân; Duy Tân thông bảo (維新通寶) của Nguyễn Phúc Vinh San; Khải Định thông bảo (啓定通寶) của Nguyễn Hoàng Tông; Bảo Đại thông bảo (保大通寶) của Nguyễn Phúc Vinh Thụy.

Tiền Trung Quốc phát hiện ở Hà Tĩnh rất phong phú bao gồm nhiều đời vua, triều đại khác nhau từ tiền thời Đường đến thời Bắc Tống, Nam Tống, thời nhà Kim, nhà Minh, nhà Thanh nằm trong phần lớn các địa điểm phát hiện tiền cổ ở Hà Tĩnh. Tiền thời Đường có 6 loại. Tiền thời Bắc Tống có 26 loại, đại đa số trong các bộ sưu tập tiền phát hiện tại Hà Tĩnh. Tiền thời Nam Tống có 14 loại. Tiền nhà Nguyên có 1 loại. Tiền nhà Kim có 2 loại. Tiền thời Minh có 10 loại. Tiền thời Thanh có 5 loại.

Tiền Trung Quốc có chất lượng đồng đều từ những đồng có niên đại sớm như đồng Khai Nguyên thông bảo (開元通寶) cho đến thời nhà Thanh như đồng Càn Long thông bảo (乾隆通寶). Tiền thường dày, chất liệu đồng tốt, có độ bền cao.

Thư pháp trên những đồng tiền Trung Quốc rất đa dạng. Triện thư có trên những đồng tiền như Nguyên Phong thông bảo (元豐通寶), Chính Hòa thông bảo (政和通寶), Hy Ninh nguyên bảo (熙寧元寶)...; lệ thư trên đồng Hoàng Tống thông bảo (皇宋通寶); hành thư trên đồng Nguyên Phong thông bảo (元豐通寶); thảo thư trên đồng Chí Đạo thông bảo (至道通寶)...

Tiền Nhật Bản được phát hiện trong nhiều bộ sưu tập tiền ở Hà Tĩnh như bộ sưu tập ở xã Ân Phú - Vũ Quang, xã Kỳ Tây - Kỳ Anh, xã Cẩm Duệ - Cẩm Xuyên. Đó là những đồng tiền Nguyên Phong thông bảo (元豐通寶) là tiền mậu dịch được đúc ở Nagasaki (Nhật Bản) và Khoan Vĩnh thông bảo (寬永通寶) của Thiên hoàng Meisho được đúc từ 1624 - 1644 được các thương nhân người Hoa và Nhật Bản đem vào Hà Tĩnh qua các thương cảng của Hội, cửa Sót, cửa Nhượng và cửa Khẩu.



Tiền thời Nguyễn phát hiện tại Hà Tĩnh

## 2. Thông điệp từ những đồng tiền cổ ở Hà Tĩnh

Việc phát hiện nhiều tiền cổ trên các địa bàn ở tỉnh Hà Tĩnh cho phép chúng ta tìm hiểu nhiều vấn đề về lịch sử, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao ở tỉnh Hà Tĩnh nói riêng và Việt Nam nói chung trong suốt tiến trình lịch sử, đặc biệt là thời kỳ độc lập tự chủ dưới thời phong kiến của Việt Nam tồn tại hàng nghìn năm. Tiền cổ ở Hà Tĩnh mang đến nhiều thông điệp, dấu ấn của người xưa để lại.

### 2.1. Phản ánh tư tưởng, triết học

Trước hết, tiền cổ phản ánh tư tưởng, tư duy triết học, vũ trụ quan của người Á Đông. Theo đó, tiền hình tròn tượng trưng cho bầu trời, giữa có lỗ vuông tượng trưng cho quả đất. Trời đất giao hòa, âm dương đối đãi sẽ cân bằng và phát triển.

Tiền Cảnh Hưng (景興) số lượng lớn về chủng loại và số lượng ở Hà Tĩnh phản ánh việc vua Lê Hiển Tông, thời Lê Trung Hưng tại vị trong thời gian dài 46 năm từ 1740 đến 1786, năm nào ông cũng cho đúc đến mức lạm phát. Cũng có ý kiến cho rằng trong thời kỳ này, không chỉ nhà nước đúc tiền mà tư nhân cũng tham gia đúc tiền. Các chữ Hán trên tiền Cảnh Hưng cũng mang những nét văn hóa, những dụng ý của các bậc tiền nhân.

Chẳng hạn, tiền Cảnh Hưng (景興) có chữ “đại bảo” (大寶) nghĩa là tiền có giá trị lớn; có “vĩnh bảo” (永寶) là tiền lưu thông mãi mãi; có chữ “chí bảo” (至寶) là tiền cao quý nhất; có chữ “cự bảo” (巨寶) là tiền có giá trị to; có chữ “trọng bảo” (重寶) nghĩa là tiền trọng yếu; có chữ “thông bảo” (通寶) là tiền lưu hành thông dụng.

### 2.2. Phản ánh lịch sử, chính trị, xã hội địa phương và quốc gia

Việc phát hiện tiền cổ Việt Nam ở Hà Tĩnh góp phần khẳng định nền độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hóa. Tiền phản ánh quá trình thịnh suy, lịch sử của từng thời kỳ. Chẳng hạn, tiền thời Lê Sơ rất đẹp, dày, chất liệu đồng tốt, nét chữ rõ ràng đậm nét thể hiện sức mạnh của nhà Lê Sơ, một triều đại phát triển rực rỡ đến đỉnh cao của chế độ phong kiến trung ương tập quyền, một quốc gia Đại Việt hùng cường, có sự phát triển mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... Hay, đồng Thái Đức thông bảo (泰德通寶), Quang Trung thông bảo (光中通寶) tiền nhỏ, mỏng thể hiện một triều đại Tây Sơn non trẻ mới ra đời, lại trong giai đoạn chiến tranh thống nhất giang sơn, chống giặc ngoại xâm phương Bắc. Trong giai đoạn đó tiền đúc không được đẹp là điều dễ hiểu.

Nhiều bộ sưu tập tiền cổ có niên đại thế kỷ 17-18 ở các địa phương Hà Tĩnh cũng phản ánh một thời kỳ lịch sử biến động<sup>(2)</sup>. Đây là thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Cuộc nội chiến này diễn ra 7 lần trong đó có một trận đại chiến lần thứ 5 từ năm 1555 đến năm 1660 diễn ra trên đất

<sup>(2)</sup> Dựa trên cơ sở nghiên cứu các hũ sành đựng tiền và những đồng tiền phát hiện có niên đại muộn nhất để xác định niên đại chôn tiền.

phía Nam sông Lam gồm các địa phương như Kỳ Hoa, Thạch Hà, Hà Trung, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Sơn. Lúc bấy giờ, từ Nam Nghệ An đến Bắc Quảng Bình trở thành chiến trường ác liệt của cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn<sup>(3)</sup>. Điều này dẫn đến thương mại, ngoại thương bị ảnh hưởng nghiêm trọng và ngừng trệ. Dân tình khốn khổ, phải bỏ ruộng vườn phiêu tán khắp nơi. Các cửa cái được cất dấu tránh bị mất mát. Nhiều gia đình có tiền bạc để trong các hũ sành, chôn dấu trong lòng đất hy vọng một ngày trở về lấy lại. Tuy nhiên, vì một lý do nào đó số tiền này đã bị lãng quên. Ngày nay, trong lúc lao động sản xuất người dân đã phát hiện tiền được xâu thành chuỗi đựng trong hũ sành, chôn dưới lòng đất.

Việc phát hiện tiền của quân khởi nghĩa chống nhà Minh (Trung Quốc) ở Hà Tĩnh như Lợi Dụng thông bảo (利用通寶), Chiêu Vũ thông bảo (昭武通寶) của Ngô Tam Quế và Hồng Hóa thông bảo (洪化通寶) của Ngô Thế Phan để tiêu dùng trong vùng chiếm đóng của quân khởi nghĩa, không phổ biến ở Trung Quốc nhưng lại có nhiều ở các bộ sưu tập tiền cổ ở Hà Tĩnh có thể một phần khẳng định thương nhân ở đây là những người chống nhà Minh sang buôn bán và trở thành bộ phận Hoa kiều<sup>(4)</sup>.

### 2.3. Phản ánh ngôn ngữ, thư pháp từng thời kỳ

Tiền tệ phản ánh ngôn ngữ, thư pháp của từng thời kỳ. Trên mỗi đồng tiền có ghi niên hiệu của từng đời vua, loại tiền được lưu thông, nơi sản xuất tiền, hoa văn trên những đồng tiền, giá trị đồng tiền... Thư pháp trên những đồng tiền cổ cũng cho ta biết quá trình phát triển, dấu ấn ngôn ngữ, quan niệm thẩm mỹ, tập quán xã hội của từng thời kỳ. Qua nghiên cứu

thư pháp, tự dạng chúng ta có thể biết được tiền của nước nào được lưu thông tại Hà Tĩnh thời bấy giờ. Tiền thư pháp chân thư, khải thư, triện thư, lệ thư, hành thư, thảo thư, tập thư, áp lệ thư, sáu kim thư, âu dương thuận thư giúp chúng ta có thể khẳng định tiền đó là của Trung Quốc, của Việt Nam hay của các nước khác trong khu vực. Trong số các tiền phát hiện tại Hà Tĩnh, tiền Trung Quốc có thư pháp phong phú nhất, sau đó là tiền Việt Nam và Nhật Bản. Người nghiên cứu tiền cổ điều kiện cần là phải biết chữ Hán, còn điều kiện đủ là phải biết tự dạng của từng đồng tiền, lịch sử, văn hóa qua các thời kỳ. Chẳng hạn, để phân biệt tiền Nguyên Phong thông bảo (元豐通寶) của Nhật Bản khác tiền Nguyên Phong thông của Việt Nam và Trung Quốc, người ta phải nghiên cứu tự dạng của đồng tiền. Tiền Nguyên Phong thông bảo của Nhật Bản là tiền có thư pháp chân thư, chữ "Nguyên" (元) bốn nét, bộ "Bối" (貝) của chữ "Bảo" (寶) hình vuông.

### 2.4. Phản ánh giao thương, trao đổi tiền tệ

Tiền tệ phản ánh giao thương, trao đổi tiền tệ, hàng hóa trong nước và ngoại quốc, đặc biệt là với Trung Quốc và Nhật Bản. Thời bấy giờ, tiền tệ của các quốc gia này được sử dụng chung tại Hà Tĩnh và Việt Nam. Việc tiền Trung Quốc thời Bắc Tống chiếm đa số, thời kỳ này tại Việt Nam cho dù ít do tiền thời Bắc Tống đẹp, lại nhiều nên Nhà nước ta lấy đó để lưu thông chứ không cần đúc nữa bởi tốn kém. Cũng có thể giải thích, trong hơn 20 năm (1407 - 1428) quân Minh sang xâm lược, đô hộ

<sup>(3)</sup> Theo Trương Hữu Quýnh (1998). *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập I, Nxb. Giáo dục, tr.344.

<sup>(4)</sup> Theo Hoàng Văn Khoán (2018). *Thức dạy quá khứ*, Nxb. Khoa học xã hội, tr.337.

nước ta, chúng đã có dã tâm tìm mọi cách đồng hóa văn hóa Đại Việt, trong đó có những đồng tiền nên tiền triều đại thời Lý, Trần trước đó chưa thấy xuất hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Việc phát hiện các đồng tiền Nhật Bản có niên đại thế kỷ 16-17 trùng khớp với thời kỳ "cởi mở" về về ngoại thương ở Đàng Trong và Đàng Ngoài của quốc gia Đại Việt. Thời kỳ này, các cửa biển như cửa Hội Thống hay còn gọi là "Đan Nhai hải môn" (Xuân Hội - Nghi Xuân), cửa Sốt còn có tên là cửa Dương Luật (Thạch Kim - Thạch Hà), cửa Nhượng hay là cửa Kỳ La (Cẩm Nhượng - Cẩm Xuyên), cửa Khẩu, còn gọi là cửa Loan Nương (Kỳ Ninh - Kỳ Anh) là nơi hoạt động thương mại khá sôi nổi. Hội Thống là cửa biển của dòng sông Lam. Theo một số thư tịch cổ đáng tin cậy<sup>(5)</sup> cho thấy, cửa biển này là nơi thuyền bè ngoại quốc trong đó có Nhật Bản vào ra buôn bán, trao đổi tiền tệ, hàng hóa, hình thành nên phố cổ Phù Thạch (Đức Vinh - Đức Thọ) và các khu phố buôn bán Phục Lễ, Chợ Tràng dọc bờ sông Lam. Việc xuất hiện tiền Nhật Bản góp phần khẳng định quan hệ bang giao giữa Việt Nam và Nhật Bản ở Hà Tĩnh.

### 2.5. Phản ánh trình độ công nghệ

Tiền cổ phát hiện ở Hà Tĩnh phản ánh trình độ luyện kim, kỹ thuật sản xuất tiền, điều kiện phát triển kinh tế, xã hội. Tiền Bắc Tống, tiền thời Minh (Trung Quốc), tiền thời Lê Sơ, thời Nguyễn của Việt Nam thường rất đẹp và bền. Điều đó cho thấy thời kỳ này kinh tế phát triển, trình độ luyện kim cao. Tiền Càn Long thông bảo (乾隆通寶), Khang Hy thông bảo (康熙通寶) đúc bằng chất liệu đồng đỏ cho phép các nhà khảo cổ xác định chúng được đúc ở Việt Nam. Hay Tiền cổ Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản được sản xuất bằng cách đúc

khôn, khác với tiền phương Tây được sản xuất bằng cách dập khuôn.

### 2.7. Góp phần xác định chính xác niên đại của các di chỉ khảo cổ

Đối với các nhà nghiên cứu lịch sử, đặc biệt là các nhà khảo cổ khi khai quật một di tích khảo cổ nào đó mà việc phát hiện được tiền cổ thì lấy đó là một tiêu chí để xác định niên đại của di tích đó. Bởi trên đó đúc chữ Hán ghi niên hiệu đời vua đúc tiền từ đó có thể tra cứu niên đại của đồng tiền đó. Chẳng hạn, năm 2003, các nhà khảo cổ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Viện Khảo cổ học Việt Nam đã khai quật 2 mộ táng tại Đồng Dăm, dưới chân phía bắc núi Hồng Lĩnh (xã Thiên Lộc - Can Lộc - tỉnh Hà Tĩnh) đã phát hiện 37 đồng tiền xuất xứ từ Trung Quốc có niên đại từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XIII như đồng Khai Nguyên thông bảo (開元通寶), Thái Bình thông bảo (太平通寶), Hàm Bình nguyên bảo (咸平元寶), Cảnh Đức nguyên bảo (景德元寶), Tương Phù thông bảo (祥符通寶), Thiên Thánh nguyên bảo (天聖元寶), Hy Ninh nguyên bảo (熙寧元寶), Nguyên Phong thông bảo (元豐通寶), Thiệu Thánh nguyên bảo (紹聖元寶), Thánh Tống nguyên bảo (聖宋元寶), Chính Hòa thông bảo (政和通寶), Thiên Hy nguyên bảo (天禧元寶), Hoàng Tống

<sup>(5)</sup> Theo nội dung các bức thư cổ bằng chữ Hán do Nhật Bản tặng, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Hà Tĩnh, vào những thập niên đầu của thế kỷ XVII, các tàu buôn Nhật Bản thường ra vào cửa Hội buôn bán dọc hai bên bờ sông Lam trong đó có phố cổ Phù Thạch, Chợ Tràng, Phục Lễ. Năm 1610, có một chiếc tàu Nhật Bản sau khi mua hàng hòa chất đầy tàu đi qua cửa Đan Nhai/Hội Thống thì bị chìm và hơn một trăm người trên tàu được cứu vớt. Trong số đó, có một số người được Tống Thái giám, Văn Lý hầu Trần Tịnh quê xã Nguyệt Áo, huyện La Sơn, xứ Nghệ An nuôi Sầu đó chúa Trịnh cho đóng tàu để họ về nước.

thông báo (皇宋通寶). Và dựa một phần vào đó để xác định niên đại của ngôi mộ là thời Trần<sup>(6)</sup>.

### 2.8. Phân ánh tương đồng, tiếp biến văn hóa

Các đặc điểm hình dáng chất liệu, ngôn ngữ trên các đồng tiền cho thấy sự tương đồng văn hóa, hay sự giao thoa tiếp biến văn hóa, truyền thống tiền tệ giữa các quốc gia trong khu vực, đặc biệt là Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản. Trên các đồng tiền cổ xuất xứ từ 3 quốc gia này đều có hình dạng như nhau: Hình tròn có lỗ vuông. Trên bề mặt đều có các chữ Hán ghi niên hiệu các đời vua đúc tiền. Các đồng tiền đó đều có thể làm phương tiện cho hoạt động thương mại. Việc xuất hiện tiền cổ ở Hà Tĩnh của các nước lân bang trong khu vực cho thấy quá trình quan hệ thương mại, ngoại thương ở Hà Tĩnh phát triển trong lịch sử.

### Kết luận

Tóm lại, tiền cổ phát hiện ở Hà Tĩnh là một loại hình di sản văn hóa vật thể đặc biệt. Mục tiêu của nghiên cứu này là đã phân loại, đánh giá giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ của hiện vật, từ đó để ra các phương án bảo tồn và phát huy giá trị hiện vật. Tiền cổ phát hiện ở Hà Tĩnh là nguồn tư liệu phong phú góp phần nghiên cứu lịch sử, giao lưu, tiếp biến văn hóa, hoạt động thương mại, quan hệ ngoại giao của Hà Tĩnh nói riêng và Việt Nam nói chung trong lịch sử. Quá trình nghiên cứu có một số thuận lợi như nguồn tư liệu tiền cổ phát hiện ở Hà Tĩnh khá đa dạng trải rộng trên địa bàn các huyện trong tỉnh; số tiền cổ phần lớn chất lượng khá tốt, nhiều thông tin trên tiền cổ như niên hiệu, thư pháp thể hiện khá rõ; việc nghiên cứu được sự hỗ trợ của nhiều chuyên gia đầu ngành về tiền cổ học trong

và ngoài nước làm cho việc nghiên cứu được bao quát, có chiều sâu. Bên cạnh đó việc nghiên cứu tiền cổ phát hiện ở Hà Tĩnh còn có những hạn chế như một số phát hiện tiền cổ chưa có địa chỉ thật cụ thể, một số đồng tiền bị ô xy hóa nên gây khó khăn cho quá trình nghiên cứu.

Bản thân tiền cổ mang nhiều thông điệp của quá khứ. Việc “giải mã” chúng sẽ làm sáng tỏ nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của từng thời kỳ, từng địa phương, quốc gia dân tộc góp phần vào củng cố những giá trị trường tồn xung quanh di sản tiền cổ nhằm phát huy những giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ tốt đẹp cho ngày hôm nay và mai sau.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Duy Báu (Chủ biên, 2000), *Lịch sử Hà Tĩnh*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia.
2. TS. Đặng Hồng Sơn, TS. Yuriko Kikuchi, ThS. Trần Phi Công, CN. Nguyễn Thị Thương Hiền (2016), *Báo cáo sơ bộ khai quật thám sát khảo cổ học địa điểm Hội Thống*.
3. Trương Hữu Quỳnh (1998), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập I, Nxb. Giáo dục.
4. Theo Hoàng Văn Khoán (2018), *Thức dậy quá khứ*, Nxb. Khoa học xã hội.
5. Hoàng Văn Khoán, Trần Hồng Dân (2003), Báo cáo khai quật khảo cổ học mộ cổ Đông Dầm (Xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh).
6. Vụ Bảo tồn Bảo tàng (1999), *Niên biểu Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

<sup>(6)</sup> Theo Hoàng Văn Khoán, Trần Hồng Dân (2003), *Báo cáo khai quật khảo cổ học mộ cổ Đông Dầm (Xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh)*.